

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2022/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-7-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04-8-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu L, sinh năm 1976

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Long H, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-5-2022 các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Long H có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do nhận thức pháp luật hạn chế. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân chính là do khác biệt trong sinh hoạt và lối sống, ông H không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà, đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, phần ai nấy sống, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Long H.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Long H, sinh ngày 28-5-1994 và Nguyễn Long N, sinh ngày 12-02-2000 đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Tại bản tự khai ngày 23-6-2022, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Long H trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Thu L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do nhận thức pháp luật hạn chế. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhưng theo ông không có vấn đề gì nghiêm trọng, bà L tự ý bỏ nhà ra đi bỏ mặc chồng con. Ông không muốn vợ chồng đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Long H, sinh ngày 28-5-1994 và Nguyễn Long N, sinh ngày 12-02-2000 đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H.

+ Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Long H, sinh ngày 28-5-1994 và Nguyễn Long N, sinh ngày 12-02-2000 đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà Phạm Thị Thu L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu L yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Long H nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Long H cư trú tại Thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994. Tại thời điểm chung sống cả hai đều đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì bà L và ông H có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày 01/01/2001 đến cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H đều thừa nhận giữa ông, bà chung sống với nhau, được gia đình hai bên chấp nhận và đã thực sự chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy các con trưởng thành nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã được Ủy ban nhân dân xã T đã xác nhận. Quá trình chung sống, cuộc sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên bà L có

đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Long H. Xét, bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014, quan hệ giữa bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H có 02 con chung là Nguyễn Thị Long H, sinh ngày 28-5-1994 và Nguyễn Long N, sinh ngày 12-02-2000 đều đã đủ 18 tuổi nên bà L, ông H đều không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Bà Phạm Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H.

2. *Về con chung*: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H có 02 con chung là Nguyễn Thị Long H, sinh ngày 28-5-1994 và Nguyễn Long N, sinh ngày 12-02-2000 đều đã đủ 18 tuổi, bà L, ông H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Phạm Thị Thu L và ông Nguyễn Long H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Thu L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00002847 ngày 23-5-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam